

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23/2010/NQ-HĐND

Đông Hà, ngày 10 tháng 12 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Phương án giá các loại đất và phân loại đường phố
thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2011**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về Phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Xét Tờ trình số 3877/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh về Phê duyệt giá các loại đất và phân loại đường phố trên địa bàn tỉnh năm 2011; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Phương án giá các loại đất và phân loại đường phố thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh năm 2011 theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu giá đất tại thời điểm giao đất, cho thuê đất, thời điểm quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì giao UBND tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh để xác định lại giá đất cụ thể cho phù hợp.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, đại biểu HĐND tỉnh thực hiện giám sát Nghị quyết theo chức năng được pháp luật quy định.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội phối hợp giám sát và động viên mọi tầng lớp nhân dân thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Các quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bị bãi bỏ, Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa V, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011./.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc

PHỤ LỤC
GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT VÀ PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ
THÀNH PHỐ, THỊ XÃ, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2011
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2010/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

Phụ lục số 1:

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Bảng 1: Đất trồng cây hàng năm

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 2	12.000	9.100	6.100
Hạng 3	9.800	7.425	4.770
Hạng 4	9.120	6.900	4.140
Hạng 5	6.480	4.890	2.550
Hạng 6	3.840	2.880	960

Bảng 2: Đất trồng cây lâu năm

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	21.000	-	-
Hạng 2	16.750	11.645	8.330
Hạng 3	12.750	10.030	6.749
Hạng 4	8.250	5.748	3.009
Hạng 5	4.000	2.800	1.020

Bảng 3: Đất rừng sản xuất

Đơn vị tính: Đồng/m²

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	3.500	-	-
Hạng 2	2.625	2.488	1.250
Hạng 3	2.250	2.130	1.019
Hạng 4	1.875	1.331	763
Hạng 5	1.500	800	500

Bảng 4: Đất nuôi trồng Thủy sản*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Xã đồng bằng	Xã trung du	Xã miền núi
Hạng 1	13.875		
Hạng 2	11.280	6.757	4.505
Hạng 3	9.200	5.440	3.655
Hạng 4	7.145	4.080	2.720
Hạng 5	5.075	2.550	1.785
Hạng 6	2.400	1.600	493

Bảng 5: Đất làm muối*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Hạng đất	Đơn giá
Vị trí 1	3.800
Vị trí 2	3.000
Vị trí 3	2.000
Vị trí 4	1.200

Bảng 6: Đất ở tại nông thôn**6.1. Xã đồng bằng***Đơn vị tính: Đồng/m²*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	300.000	180.000	65.000
2	200.000	96.000	39.000
3	100.000	60.000	20.000
4	50.000	36.000	11.000

6.2. Đất ở các xã đồng bằng, trung du, miền núi tại các vị trí ven tuyến Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, các trục đường giao thông chính, khu vực chợ trung tâm xã có vị trí sinh lợi cao

Đơn vị tính: Đồng/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	840.000	400.000	80.000
2	560.000	150.000	50.000
3	210.000	50.000	30.000

4	70.000	30.000	10.000
---	--------	--------	--------

Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào thực tế để quy định khu vực, xác định vị trí đất tại bảng giá này cho phù hợp.

6.3. Xã trung du:*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	150.000	65.000	25.000
2	80.000	38.000	16.000
3	50.000	25.000	10.000
4	25.000	16.000	3.600

6.4. Xã miền núi:*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	100.000	30.000	8.000
2	50.000	15.000	7.200
3	25.000	8.000	4.800
4	12.000	4.000	2.400

Bảng 7: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn**7.1. Xã đồng bằng***Đơn vị tính: Đồng/m²*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	250.000	120.000	50.000
2	170.000	80.000	30.000
3	85.000	50.000	15.000
4	50.000	30.000	8.000

7.2. Xã trung du*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	130.000	65.000	25.000
2	70.000	38.000	16.000

3	45.000	25.000	10.000
4	25.000	16.000	3.600

7.3. Xã miền núi:*Đơn vị tính: Đồng/m²*

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	90.000	30.000	8.000
2	45.000	15.000	6.000
3	20.000	8.000	4.000
4	12.000	4.000	2.000

Bảng 8. Đất ở tại đô thị*Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²***8.1. Áp dụng cho thành phố Đông Hà (Đô thị loại III)**

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1a	8.000	1.440	900	540
1b	6.500	1.260	720	450
1c	5.000	1.080	630	360
2a	4.000	810	540	310
2b	3.500	720	505	270
2c	3.000	630	470	235
2d	2.500	540	430	200
3a	2.000	450	360	180
3b	1.700	415	305	165
3c	1.400	380	250	155
3d	1.200	345	200	145
3e	1.000	310	180	140
4a	800	270	160	135
4b	700	235	150	130
4c	600	215	140	125
4d	500	195	130	120
4e	400	175	120	105

4f	300	155	110	96
----	-----	-----	-----	----

8.2. Áp dụng cho thị xã Quảng Trị (Đô thị loại IV)

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
3a	1.496	450	360	180
3b	1.364	414	306	162
3c	1.232	378	252	144
3d	1.114	342	198	126
3e	968	306	162	108
4a	871	270	144	90
4b	748	234	126	72
4c	616	198	108	54
4d	493	162	90	50
4e	370	126	72	45
4f	246	90	54	40

8.3. Đất ở các thị trấn (Đô thị loại V)

Loại đường phố	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1d	1.056	240	192	96
2a	730	219	162	87
2b	660	201	135	78
2c	590	180	105	69
2d	528	162	87	60
3a	466	144	78	51
3b	396	120	66	42
3c	330	105	57	36
3d	264	87	48	33
3e	198	66	39	30
4a	132	48	35	28
4b	97	39	30	26
4c	75	30	26	24

Bảng 9: Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại đô thị

9.1. Áp dụng cho thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị (Trừ đất tại các Khu: Du lịch, Công nghiệp, Thương mại, Kinh tế): Bằng 70% giá đất ở tại đô thị và giá đất ở ven đô tại các vị trí tương ứng.

9.2. Áp dụng cho các thị trấn (Trừ đất tại các Khu: Du lịch, Công nghiệp Thương mại, Kinh tế): Bằng 52% giá đất ở tại các vị trí tương ứng.

Bảng 10: Đất Khu Du lịch, Khu Công nghiệp, Khu Thương mại, Khu Kinh tế

10.1. Đất ở

Đơn vị tính: 1.000 đ/m²

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
1	540	360	150
2	360	240	90
3	240	150	45
4	150	90	24

10.2. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đ/m²

Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3
360	180	75

- **Bảng 10:** Áp dụng cho đất thuộc khu quy hoạch đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trục đường giao thông chính của Khu: Thương mại, Du lịch, Công nghiệp, Kinh tế. Các vùng đất khác thuộc Khu: Thương mại, Du lịch, Công nghiệp, Kinh tế thuộc đô thị thì áp dụng theo giá đất đô thị; thuộc vùng ven đô thì áp dụng theo giá đất ở ven đô; các vùng đất còn lại thì áp dụng bảng giá đất nông thôn.

11. Giá đất đặc thù

11.1. Đất nông nghiệp nằm xen kẽ trong đô thị không được quy hoạch là đất ở hoặc đất phi nông nghiệp khác.

- Đối với đô thị loại III, IV: 40.000 đồng/m²

- Đối với đô thị loại V: 24.000 đồng/m²

11.2. Đất vườn, ao nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đất ở.

- Khu vực 1:

+ Xã đồng bằng: 31.500 đồng/m²

+ Xã trung du: 17.500 đồng/m²

+ Xã miền núi: 10.000 đồng/m²

- Khu vực 2:

+ Xã đồng bằng:	25.000 đồng/m ²
+ Xã trung du:	15.000 đồng/m ²
+ Xã miền núi:	4.000 đồng/m ²

- Khu vực 3:

+ Xã đồng bằng:	8.000 đồng/m ²
+ Xã trung du:	3.600 đồng/m ²
+ Xã miền núi:	2.000 đồng/m ²

11.3. Trường hợp thửa đất ở có vị trí thấp hơn mặt đường (Xác lập vị trí đất) từ 1,5 m trở lên thì tính giảm giá 20% nhưng tối đa không quá 100.000 đ/m²;

- Trường hợp thửa đất ở có vị trí cao hơn mặt đường (Xác lập vị trí đất) từ 1,5 m trở lên thì tính giảm giá 10% nhưng tối đa không quá 100.000 đ/m².

11.4. Đối với vị trí 1 các thửa đất ở vị trí góc của các tuyến đường giao nhau thì tính tăng giá 10% theo mức giá của đường xếp loại thấp hơn.

11.5. Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Áp dụng theo giá đất rừng sản xuất (Bảng 3).

11.6. Đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất tôn giáo tín ngưỡng (Bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ) được xây dựng tại vị trí, khu vực nào thì giá đất được xác định theo giá đất ở tại vị trí, khu vực đó.

11.7. Đất ở của đô thị thuộc các khu vực giáp ranh với nông thôn mà người sử dụng đất chuyên sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì áp dụng giá đất theo bảng 6: Đất ở tại nông thôn. Căn cứ tình hình thực tế, UBND huyện, thành phố, thị xã quy định cụ thể các khu vực này trên địa bàn mỗi huyện, thành phố, thị xã để áp dụng mức giá cho phù hợp.

12. Nguyên tắc phân vị trí đất tại các thị xã và thị trấn:

1. Đất đô thị được xác định theo loại đường phố và vị trí, bao gồm có 4 vị trí. Nguyên tắc phân vị trí đất đảm bảo thửa đất có xác định vị trí đất phải có ít nhất một mặt giáp với đường, ngõ hoặc hẻm. Vị trí 1 áp dụng với đất mặt tiền (Liên cạnh đường phố) có mức sinh lợi cao nhất, có điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, các vị trí 2, 3 và 4 áp dụng đối với đất có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn, cụ thể:

a) Vị trí 1: Áp dụng đối với thửa đất mặt tiền đường phố tính từ lộ giới (Ranh giới của thửa đất) vào sâu đến 20m;

b) Vị trí 2: Áp dụng đối với thửa đất trong các đường, ngõ hoặc hẻm giao nhau với đường phố đã được xếp loại và có khoảng cách đến mép đường phố đã được xếp loại trong khoảng từ trên 20m đến 40m. Trường hợp thửa đất nằm trong khoảng từ

mép đường phố chính (Ranh giới của thửa đất) vào sâu 20m mà có mặt tiền tiếp giáp với đường ngõ, hẻm thì 20m đầu tiên xếp vào vị trí 2 của đường phố chính;

c) Vị trí 3: Áp dụng đối với thửa đất trong các đường, ngõ hoặc hẻm giao nhau với đường phố đã được xếp loại và có khoảng cách đến mép đường phố đã được xếp loại trong khoảng từ trên 40m đến 60m;

d) Vị trí 4: Áp dụng đối với các thửa đất còn lại.

2. Trường hợp thửa đất nằm trong ngõ, hẻm giao nhau với các đường phố đã được xếp loại cao hơn có địa điểm tương ứng từ sau vị trí 4 của đường xếp loại cao hơn thì áp dụng giá theo vị trí của đường ngõ, hẻm.

3. Đối với thửa đất (Tùy theo vị trí cụ thể) mà có chiều sâu từ trên 20m trở lên (Liên thửa) thì áp dụng nguyên tắc xác định giá như sau:

a) 20 m đầu tiên (Mặt tiền): Tính bằng giá đất vị trí 1;

b) Từ trên 20 đến 40m: Tính bằng giá đất vị trí 2;

c) Từ trên 40m đến 60m: Tính bằng giá đất vị trí 3;

d) Từ trên 60m trở đi: Tính bằng giá đất vị trí 4.

Phụ lục số 2:**PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ****I. ĐƯỜNG LOẠI 1A**

1. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam Cầu Đông Hà đến tim Cầu Vượt
2. Hùng Vương: Đoạn từ Bưu điện Đông Hà đến Bắc đường Hải Thượng Lãn Ông
3. Quốc lộ 9: Đoạn từ Sở Công An tỉnh đến đường Hàm Nghi
4. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Bưu điện Đông Hà

II. ĐƯỜNG LOẠI 1B

1. Quốc Lộ 9: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến ngã 3 Nguyễn Du
2. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ tường rào phía Đông Bưu điện Đông Hà đến đường Trần Nhật Duật
3. Lê Duẩn: Đoạn từ tim Cầu Vượt đến Bắc cầu Lập Thạch
4. Phan Châu Trinh: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến chợ Đông Hà

III. ĐƯỜNG LOẠI 1C

1. Hùng Vương: Đoạn từ Nam đường Hải Thượng Lãn Ông đến Bắc cầu Đại An
2. Lê Quý Đôn: Từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Hưng Đạo
3. Phan Bội Châu: Từ đường Trần Hưng Đạo đến chợ Đông Hà

IV. ĐƯỜNG LOẠI 2A

1. Lê Lợi: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thánh Tông
2. Huyền Trân Công Chúa: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Quý Đôn
3. Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Ngô Quyền

V. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Hùng Vương: Đoạn từ Nam cầu Đại An đến đường Lý Thường Kiệt
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ ngã ba Nguyễn Du đến đường Trần Hưng Đạo
3. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Hiền Lương đến đường Trần Nhật Duật
4. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hiền Lương
5. Lê Văn Hưu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường sắt phía dưới Cầu Vượt
6. Nguyễn Công Trứ: Cả đường (Quốc lộ 9 đến đường Tôn Thất Thuyết)
7. Nguyễn Khuyến: Cả đường (Từ Quốc lộ 9 đến Quốc lộ 9)
8. Quốc lộ 1: Đoạn từ Bắc cầu Đông Hà đến đường Đoàn Bá Thừa
9. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Đặng Tất

10. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến cổng Đại An
11. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Hùng Vương
12. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam cầu Lập Thạch đến Bắc cầu Trung Chi

VI. ĐƯỜNG LOẠI 2C

1. Tạ Quang Bửu: Cả đường
2. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến đường Nguyễn Trãi
3. Quốc lộ 1: Đoạn từ đường Đoàn Bá Thừa đến đường Phạm Ngũ Lão
4. Ngô Quyền: Từ đường Lê Lợi đến đường Hàm Nghi
5. Đặng Tất: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Huệ
6. Nguyễn Bình Khiêm: Từ đường Nguyễn Trãi đến đường Nguyễn Huệ
7. Văn Cao: Đoạn từ đường Hùng Vương đến Thư viện tỉnh
8. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hàm Nghi
9. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ đường Phan Bội Châu đến Cổng thoát nước
10. Lê Lợi: Đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến đường Lý Thường Kiệt
11. Hiền Lương: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng
12. Nguyễn Trãi: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Đặng Tất

VII. ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Trần Nhật Duật đến đường Khóa Bảo
2. Tôn Thất Thuyết: Từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Phú
3. Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Chu Mạnh Trinh
4. Hùng Vương: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường 9D
5. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Nguyễn Bình Khiêm
6. Hoàng Diệu: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Phạm Ngũ Lão

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 3A:

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Khóa Bảo đến đường vào Trường Cao đẳng sư phạm
2. Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Lê Lợi
3. Hàm Nghi: Cổng Đại An đến đường Lý Thường Kiệt
4. Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Trương Hán Siêu
5. Thái Phiên: Từ đường Nguyễn Huệ đến đường Trần Phú
6. Đặng Dung: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Mạc Đĩnh Chi
7. Đào Duy Từ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hàm Nghi
8. Đường vào Trạm xá Công An: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu

9. Nguyễn Du: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Lý Thường Kiệt
10. Trần Phú: Đoạn từ đường Lê Thánh Tông đến cầu Vượt đường sắt
11. Lê Chương: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Lê Quý Đôn
12. Lê Duẩn: Đoạn từ Nam cầu Trung Chỉ đến Bắc cầu Lai Phước
13. Nguyễn Chí Thanh: Từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Lý Thường Kiệt
14. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến đường Nguyễn Du
15. Trần Phú: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Thái Phiên
16. Đường 9D: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hùng Vương
17. Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Hải đội 2
18. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lưu Hữu Phước
19. Trường Chinh: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến đường Hùng Vương
20. Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Hàm Nghi

IX. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Trần Hữu Dực: Từ đường Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi
2. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Trần Đại Nghĩa
3. Trần Đại Nghĩa: Từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Lê Thánh Tông
4. Trần Nhật Duật: Từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Bà Triệu
5. Phan Văn Trị: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu
6. Hải Thượng Lãn Ông: Cả đường
7. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lưu Hữu Phước
8. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tôn Thất Thuyết
9. Lương Khánh Thiện: Cả đường (Từ Quốc lộ 9 đến Quốc lộ 9)
10. Chu Mạnh Trinh: Từ đường Nguyễn Du đến đường Quốc lộ 9

X. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Quốc lộ 1: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến Nam cầu Sòng
2. Đinh Công Tráng: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến Huyện Trần Công Chúa
3. Ông Ích Khiêm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Hải Triều
4. Hải Triều: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Ông Ích Khiêm
5. Phan Chu Trinh: Đoạn từ Lê Quý Đôn đến Đinh Công Tráng
6. Nguyễn Thái Học: Từ đường Nguyễn Huệ đến đường phía sau Cục Hải quan
7. Hàn Thuyên: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
8. Ngô Sĩ Liên: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung

9. Đường 9D: Đoạn từ Hùng Vương đến đường vào nghĩa địa Đông Lương
10. Chế Lan Viên: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Phan Đình Phùng

XI. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Mạc Đĩnh Chi: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung
2. Đoạn đường: Đoạn từ Trường Lái xe đến ranh giới phường Đông Lễ
3. Khóa Bảo: Ngã 3 Quốc lộ 9 và Trần Hưng Đạo đến Khe Lược
4. Thành Cổ: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Khe Lược
5. Huỳnh Thúc Kháng: Từ Hùng Vương đến hết đường khu vực Bộ đội biên phòng
6. Đường Hùng Vương: Đoạn từ đường 9D đến Lai Phước
7. Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bà Huyện Thanh Quan
8. Bà Triệu: Đoạn từ chợ Đông Hà đến cầu Thanh niên
9. Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
10. Lưu Hữu Phước: Từ Thư viện tỉnh đến đường Trần Phú

XII. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đặng Dung: Đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Bùi Thị Xuân
2. Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Hàm Nghi
3. Đường 9D: Đoạn còn lại
4. Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi
5. Phạm Đình Hổ: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Lợi
6. Hồ Xuân Lưu: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến Nguyễn Hàm Ninh
7. Nguyễn Hàm Ninh: Đoạn từ đường Ngô Quyền đến Quốc Lộ 9
8. Huỳnh Thúc Kháng: Từ hết Bộ đội Biên phòng đến Lê Lợi
9. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Hai Bà Trưng
10. Nguyễn Viết Xuân: Cả đường
11. Lê Phụng Hiểu: Cả đường
12. Đặng Thai Mai: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Nguyễn Thái Học
13. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Tôn Thất Thuyết đến đường Trần Đại Nghĩa
14. Trương Hán Siêu: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Thế Hiếu
15. Đường Hai bên cầu Vượt: Đoạn từ đường Trần Phú đến cổng Công an tỉnh

XIII. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào trường Cao đẳng sư phạm đến đường vào X334
2. Nguyễn Đình Chiểu: Đoạn từ trường Cao đẳng sư phạm đến Quốc lộ 9

3. Thành Cổ: Đoạn từ cầu Khe Lược đến đường Bà Triệu
4. Bà Triệu: Đoạn từ cầu Thanh niên đến cầu Đường sắt
5. Lương Ngọc Quyến: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến Trạm lưới Điện lực
6. Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Trương Hán Siêu
7. Trương Định: Đoạn từ đường Hàm Nghi đến Nguyễn Bình Khiêm
8. Nguyễn Du: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Trạm bơm 2
9. Nguyễn Trung Trực: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hồ Khe Mây
10. Trường Chinh: Đoạn từ đường Lê Lợi đến cống thoát nước Trường Phan Đình Phùng
11. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường sắt
12. Chu Văn An: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Đào Duy Anh
13. Đường vào công phụ Trường Cao đẳng Sư phạm: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến công phụ Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị
14. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ phía Nam cống thoát nước (Gần nhà ông Hàn) đến đường Bùi Dục Tài
15. Đoàn Khuê: Đoạn từ đường Trần Đại Nghĩa đến đường Trần Phú

XIV. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Yết Kiêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Nguyễn Trãi nối dài
2. Đường Thanh niên: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường về cống Vĩnh Ninh
3. Cao Thắng: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Nguyễn Du
4. Hiền Lương: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến Đinh Tiên Hoàng
5. Đoạn đường phía trước trụ sở UBND phường Đông Giang: Từ đường Trần Nguyên Hãn đến hết đường
6. Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến đường Nguyễn Du (Trạm bơm 2)
7. Quốc lộ 1 cũ: Đoạn từ đường Đoàn Bá Thừa đến đường Hoàng Diệu
8. Lương Đình Cửa: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng (Quy hoạch) đến giáp đường khu vực
9. Mai Hắc Đế: Đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Lê Thánh Tông nối dài
10. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Bà Triệu
11. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Hiền Lương đến đường Bùi Dục Tài
12. Phạm Hồng Thái: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Kênh thủy lợi N2
13. Nguyễn Thượng Hiền: Đoạn từ đường Bùi Thị Xuân đến đường Đặng Dung
14. Phùng Hưng: Đoạn từ đường Bà Triệu đến Đinh Tiên Hoàng

15. Đào Duy Anh: Đoạn từ đường Chu Văn An đến đường Lý Thường Kiệt
16. Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh thủy lợi N2
17. Nguyễn Biểu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Kênh thủy lợi N2
18. Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Kênh thủy lợi N2
19. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến Kênh thủy lợi N2
20. Bến Hải: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Đại Nghĩa
21. Dương Văn An: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Trần Đại Nghĩa
22. Kiệt 69- Lê lợi
23. Kiệt 75- Lê Lợi

XV. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Bà Triệu: Đoạn từ cầu Đường sắt đến đường vào 968
2. Cồn Cỏ: Đoạn từ đường Đặng Dung đến kênh thủy lợi
3. Đường vào 968: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Bà Triệu
4. Lê Trực: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
5. Đường phía sau trụ sở Hải Quan tỉnh: Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Huệ
6. Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Nguyễn Gia Thiều đến Trần Hưng Đạo
7. Kim Đồng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Thị Xuân
8. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường vào X334 đến cầu Bà Hai
9. Mạc Đĩnh Chi: Từ Đặng Dung đến hết đường

XVI. ĐƯỜNG LOẠI 4D

1. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến hết nhà ông An khu phố 2
2. Thanh niên: Từ cổng Vĩnh Ninh đến Trạm Y tế phường Đông Giang
3. Lê Lai: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến Quốc lộ 9
4. Trương Hán Siêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng
5. Đường vào Tỉnh ủy: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến Lưu Hữu Phước
6. Nguyễn Thượng Hiền: Đoạn từ đường Đặng Dung đến hết đường
7. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ đường Bùi Dục Tài đến Trần Nhật Duật

XVII. ĐƯỜNG LOẠI 4E

1. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ kênh Ái Tử đến sông Thạch Hãn
2. Bà Huyện Thanh Quan: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến Nguyễn Biểu

3. Đoàn Bá Thừa: Đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Hoàng Diệu
4. Lê Văn Hưu: Đoạn từ Đường sắt phía dưới cầu Vượt đến ga Đông Hà
5. Thanh niên: Từ trạm y tế phường Đông Giang đến cầu Ông Niệm
6. Trần Phú: Đoạn từ đường Thái Phiên đến đường Trần Hưng Đạo
7. Nguyễn Gia Thiều: Đoạn từ đường Đặng Thai Mai đến Trần Quốc Toản
8. Phan Huy Chú: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Thị Xuân
9. Trương Hán Siêu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Lê Thế Hiếu

XVIII. ĐƯỜNG LOẠI 4F

1. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ nhà ông An khu phố 2 đến đập Đại Độ
2. Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ kênh N2 đến đường Thạch Hãn
3. Cồn Cỏ: Đoạn từ kênh N2 đến đường Thạch Hãn
4. Phạm Hồng Thái: Đoạn từ kênh N2 đến sông Thạch Hãn

XIX. PHÂN LOẠI ĐƯỜNG CHO CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CÒN LẠI NHƯ SAU

1. Các tuyến đường chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường đã được nhựa, bê tông, đường đất thì phân loại như sau:

* Đối với phường 1, phường 5 và Khu Đô thị Nam Đông Hà- Giai đoạn 1 (Kê cả khu vực hưởng lợi từ việc đầu tư cơ sở hạ tầng của Khu Đô thị):

TT	Mặt cắt	Đường nhựa	Bê tông	Đường đất
1	Có mặt cắt bằng và lớn hơn 26m	3C	4A	4B
2	Có mặt cắt bằng 20 m đến dưới 26 m	3D	4A	4B
3	Có mặt cắt lớn hơn 13 m đến dưới 20 m	3E	4B	4C
4	Có mặt cắt lớn hơn 9 m đến bằng 13 m	4A	4C	4D
5	Có mặt cắt lớn hơn 6 m đến bằng 9 m	4B	4C	4E
6	Có mặt cắt lớn hơn 3 m đến bằng 6 m	4D	4E	4F
5	Có mặt cắt dưới đến bằng 3 m	4E	4F	Vị trí 2- 4F

* Đối với các phường còn lại giảm 20% giá của từng loại đường, mặt cắt theo bảng trên nhưng giá đất tối thiểu không nhỏ hơn 96.000 đồng.

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (Bao gồm cả phần trải nhựa hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

Phu lục số 3:**PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ THỊ XÃ QUẢNG TRỊ****I. ĐƯỜNG LOẠI 3A**

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Trần Quốc Toản
2. Lê Duẩn: Đoạn từ giáp xã Hải Phú đến Nam cầu Thạch Hãn

II. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Trần Hưng Đạo:
 - Đoạn từ đường Trần Quốc Toản đến Bắc cổng Thái Văn Toản
 - Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Đoàn Thị Điểm

III. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Trần Hưng Đạo:
 - Đoạn từ đường Đoàn Thị Điểm đến giáp xã Triệu Thành
 - Đoạn từ cổng Thái Văn Toản đến đường Lê Duẩn
2. Quang Trung: Đoạn từ đường Ngô Quyền đến hàng rào phía Đông chi nhánh điện Thành Cổ
3. Ngô Quyền: Đoạn từ phố Hữu Nghị đến giáp xã Triệu Thành
4. Quốc lộ 1A: Đoạn đi qua phường An Đôn (Từ chân cầu Ga đến giáp xã Triệu Thượng)

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Quang Trung: Đoạn từ hàng rào phía đông chi nhánh điện Thành Cổ đến đường Hai Bà Trưng
2. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Lý Thái Tổ
3. Phố Thành Công: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền
4. Phố Hữu Nghị: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền

V. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Trần Hưng Đạo
2. Lý Thái Tổ: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền
3. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Lý Thái Tổ

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Trần Thị Tâm: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến ga Quảng Trị
2. Lê Hồng Phong: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Trần Hưng Đạo
3. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường Phan Đình Phùng
4. Ngô Quyền: Đoạn từ phố Hữu Nghị đến đường Bùi Thị Xuân
5. Nguyễn Trị Phương: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền

VII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Trần Phú: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Phan Chu Trinh
2. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Ngô Quyền

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 4D

1. Phan Bội Châu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến cống K7
2. Phan Chu Trinh: Đoạn từ bến xe cũ đến đường Phan Thành Chung
3. Đoàn Thị Điểm: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền
4. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến hàng rào phía Tây trường Dân tộc nội trú
5. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến kênh N1
6. Bùi Thị Xuân: Cả đường
7. Lê Thế Tiết: Từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Bà Triệu

IX. ĐƯỜNG LOẠI 4E

1. Nguyễn Thị Lý: Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến kênh N1
2. Nguyễn Trãi: Đoạn từ kênh N1 đến Quốc lộ 1A
3. Trần Quốc Toản: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Quang Trung
4. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến đường Bà Triệu
5. Bà Triệu: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến đường Lý Thường Kiệt
6. An Đôn: Đoạn từ cầu Ga Thạch Hãn đến hết ranh giới trường Tiểu học Triệu Thượng (Từ mép đường vào sâu 80m)

X. ĐƯỜNG LOẠI 4F

1. Phan Chu Trinh:
 - Đoạn từ phố Hữu Nghị đến Bến xe cũ;
 - Đoạn từ đường Phan Thành Chung đến giáp xã Hải Lệ.
2. Phan Thành Chung: Đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến đường Lê Lợi
3. Lê Lợi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến kênh N2
4. Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến cống Thái Văn Toản 2
5. Ngô Thị Nhậm: Đoạn từ đường Quang Trung đến đường Lý Thường Kiệt
6. Trần Bình Trọng: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến giáp xã Hải Quy
7. Nguyễn Thị Lý: Đoạn từ kênh N1 đến cầu Ba Bến
8. Nguyễn Trường Tộ: Đoạn từ đường Trần Bình Trọng đến đường Nguyễn Trãi
9. Lý Nam Đế: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Ngô Quyền
10. Yết Kiêu: Đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Đinh Tiên Hoàng
11. Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Trần Hữu Dực

12. Cao Bá Quát: Đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường Trần Hữu Dực

13. Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Trần Hữu Dực đến đường Nguyễn Đình Chương

14. Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Lê Lợi

15. Hoàng Hoa Thám: Đoạn từ đường Lê Lai đến đường Nguyễn Viết Xuân

16. Trần Hữu Dực: Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Phạm Ngũ Lão

17. Nguyễn Bình Khiêm: Đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến giáp nhà bà Lục Thị Hoa Lê

XI. CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI

1. Các đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại thì được phân loại như sau:

- Có mặt cắt từ 8 m trở lên thì xếp loại 4f;
- Có mặt cắt từ 5 m đến nhỏ hơn 8 m thì xếp vào vị trí 2 của đường loại 4f;
- Có mặt cắt từ 3 m đến nhỏ hơn 5 m thì xếp vào vị trí 3 đường loại 4f.

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại.

XII. ĐỐI VỚI CÁC ĐỊA BÀN CÒN LẠI CỦA PHƯỜNG AN ĐÔN VÀ XÃ HẢI LỆ

1. Phường An Đôn

Phân vùng khu vực thuộc trung du (Khu vực III): Gồm toàn bộ khu vực dân cư nằm phía Tây đường sắt (Cách đường An Đôn 80m trở lên)

2. Xã Hải Lệ

1.1. Phân vùng khu vực thuộc đồng bằng

- Khu vực II: Gồm toàn bộ thôn Như Lệ
- Khu vực III: Gồm thôn Tích Tường và thôn Tân Mỹ (Khu vực vùng Bắc kênh Nam Thạch Hãn)

1.2. Phân vùng khu vực thuộc trung du (Khu vực III): Gồm thôn Tích Tường và thôn Tân Mỹ (Khu vực vùng Nam kênh Nam Thạch Hãn) và toàn bộ thôn Tân Lệ và thôn Phước Môn.

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ CÁC THỊ TRẤN**A. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KHE SANH****I. ĐƯỜNG LOẠI 3A**

1. Lê Duẩn: Đoạn từ tượng đài đến giáp cầu Khe Sanh
2. Hùng Vương: Đoạn từ nhà ông Thìn đến giáp đường Lê Lợi
3. Hai Bà Trưng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Ngô Sỹ Liên
4. Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Dũng

II. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Lê Duẩn: Đoạn từ cầu Khe Sanh đến hết khối 4
2. Lê Lợi: Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Duẩn
3. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
4. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
5. Đường 9/7: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Duẩn
6. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
7. Phan Chu Trinh: Từ đường Hùng Vương đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng
8. Đinh Tiên Hoàng: Từ đường Lê Duẩn đến giao đường Phan Chu Trinh
9. Hồ Chí Minh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Km số 2 đường HCM
10. Chu Văn An: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Nguyễn Khuyến
11. Trường Chinh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết hồ Khe Sanh

III. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Phạm Hùng: Đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Hàm Nghi
2. Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến giáp đường Hà Huy Tập
3. Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà ông Dũng đến hết nhà ông Mạnh
4. Lê Quang Đạo: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Công ty Cà phê Đường 9
5. Trương Định: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Đình Phùng
6. Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà bà Nga đến hết nhà ông Trung
7. Trần Hữu Dực: Đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến hết nhà ông Tấn
8. Hồ Chí Minh: Đoạn từ Km số 2 đến giáp xã Hướng Tân

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Cương
2. Trần Hoàn: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Xí nghiệp Cấp thoát nước Khe Sanh

3. Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Đình
4. Nguyễn Khuyến: Đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến hết nhà ông Tuấn
5. Hà Huy Tập: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Thoi
6. Đào Duy Từ: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh
7. Hùng Vương: Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi khối 7
8. Phan Đình Phùng: Đoạn từ đường Lê Lợi đến đường HCM

V. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Phạm Ngũ Lão: Đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi lò gạch cũ
2. Ngô Sỹ Liên: Đoạn từ nhà bà Hiệp đến hết nhà ông Bút
3. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn giao đường Phan Chu Trinh đến giáp cầu đi Pa Nho
4. Nguyễn Đình Chiểu: Từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh
5. Võ Thị Sáu: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
6. Trần Hữu Thận: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
7. Đinh Công Tráng: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
8. Chế Lan Viên: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Võ Thị Sáu: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp hồ Tân Độ
2. Văn Cao: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Tính
3. Lê Thánh Tông: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Thạc
4. Trần Hữu Thận: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp hồ Tân Độ
5. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà bà Tâm
6. Lê Hành: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà ông Giang
7. Đặng Thai Mai: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hữu Dục
8. Nguyễn Hữu Thọ: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp đường Bùi Dục Tài
9. Đinh Công Tráng: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Ái
10. Nguyễn Thị Định: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Xứ
11. Nguyễn Trãi: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà bà Lai
12. Chế Lan Viên: Đoạn từ Đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
13. Trương Định: Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến giáp hồ Tân Độ

VII. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Trương Công Kính: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Cao Vân
2. Nguyễn Biểu: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp hội trường khóm 4
3. Nguyễn Viết Xuân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Dục Tài
4. Trần Quang Khải: Từ đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Trương Định
5. Bùi Dục Tài: Đoạn từ đường Đào Duy Từ đến giáp nhà ông Hiền

6. Nguyễn Khuyển: Đoạn từ nhà ông Tuấn đến giáp nhà bà Thanh
7. Trần Cao Vân: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Đoàn Khuê
8. Trần Nguyên Hãn: Đoạn từ đường Hùng Vương đến hết nhà ông Lý
9. Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Thị Xuân

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Hàm Nghi: Đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Thanh
2. Hồ Sỹ Thản: Đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Huê
3. Bùi Thị Xuân: Đoạn từ đường Hà Huy Tập đến giáp đường Hồ Sỹ Thản
4. Nguyễn Khuyển: Đoạn từ nhà bà Thanh đến giáp nhà ông Pay

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN LAO BẢO

I. ĐƯỜNG LOẠI 2A

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Kim Đồng đến đường Nguyễn Tri Phương

II. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu A Trùm đến đường Kim Đồng
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết cửa khẩu Lao Bảo
3. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Quốc lộ 9
4. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Phú
5. Nguyễn Huệ: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Quý Đôn
6. Các đoạn đường của khu đấu giá đất thuộc Khu Kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo

III. ĐƯỜNG LOẠI 2C

1. Trần Phú: Nối đường Nguyễn Huệ đến giáp Quốc lộ 9
2. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Phan Bội Châu
3. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết
4. Phạm Văn Đồng: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
5. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Huệ

IV. ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Trần Mạnh Quý: Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Ngô Quyền
2. Mai Thúc Loan: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến đường Bạch Đằng

V. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Ngô Quyền: Đoạn từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Phan Bội Châu
2. Hoàng Diệu: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
10. Lê Hồng Phong: Đoạn từ Trạm điện 110Kv đến giáp đường Hoàng Diệu

VI. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Hoàng Hoa Thám
2. Bạch Đằng: Đoạn từ đường Trần Phú đến giáp đường Phan Bội Châu

VII. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Phan Bội Châu: Từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Lý Thường Kiệt
2. Hoàng Hoa Thám: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Phan Bội Châu
3. Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Huệ

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Lê Thế Hiếu: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
2. Nguyễn Tri Phương: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
3. Nguyễn Chí Thanh: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nghĩa trang Lao Bảo
4. Tôn Đức Thắng: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
5. Kim Đồng: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
6. Huyền Trân Công Chúa: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
7. Lý Thái Tổ: Đoạn từ Công ty Hùng Lương đến giáp đường Lê Hồng Phong
8. Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ (Nhà ông Tuấn) đến hết nhà ông Tựu

IX. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Hữu Nghị: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
2. Cu Bai: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong
3. Cao Thắng: Đoạn từ đường Kim Đồng đến giáp đường Ngô Gia Tự

4. Nguyễn Trường Tộ: Đoạn từ nhà ông Tiếp đến giáp đường Hải Thượng Lãn Ông
5. Hoàng Hoa Thám: Từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Thạch Hãn
6. Đội Cung: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Tiết
7. Nguyễn Gia Thiều: Đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến giáp đường Lý Thái Tổ

X. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Huỳnh Thúc Kháng: Từ đường Hữu Nghị đến giáp đường Nguyễn Huệ
2. Hải Thượng Lãn Ông: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp chùa Phước Bảo
3. Đường khóm Trung 9: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Hào
4. Đoạn đường từ chợ cũ đi công viên Lao Bảo (02 đường): Đoạn từ đường Huyền Trân Công Chúa; từ nhà ông Sanh đến giáp đường Phạm Văn Đồng
5. Phan Đăng Lưu: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn
6. Lê Chương: Từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai
7. Nguyễn Thị Minh Khai: Từ đường Quốc lộ 9 đến ngã ba khóm Khe Đá
8. Tổ Hữu: Đoạn từ đường Thạch Hãn đến giáp đường Hoàng Hoa Thám
9. Nguyễn Hữu Đồng: Đoạn từ nhà ông Thương đến giáp Trạm bơm
10. Đặng Văn Ngữ: Đoạn từ nhà ông Đệ đến giáp nhà ông Cấn
11. Hoàng Hoa Thám: Từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết
12. Lê Lai: Đoạn từ đường Hồ Bá Kiện đến giáp đường Hồng Chương
13. Ngô Gia Tự: Đoạn từ đường nhà ông Tiên đến giáp nhà ông Xuyên
14. Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Lê Quý Đôn
15. Trần Quý Cáp: Đoạn từ nhà ông Thạnh đến hết Nhà máy nước
16. Ông Ích Khiêm: Đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến giáp đường Hoàng Diệu

XI. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Nguyễn Tự Như: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Thạch Hãn
2. Đoạn đường nội khóm Vĩnh Hoa: Đoạn từ nhà ông Phở đến Trạm bơm
3. Đặng Tất: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp nhà ông Bảo
4. Thạch Hãn: Đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp bản Ka Túp
5. Lê Văn Huân: Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường Phan Đăng Lưu
6. Hồng Chương: Từ đường Hoàng Hoa Thám đến đường Đào Duy Anh
7. Trần Thị Tâm: Đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
8. Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Xiêm đến giáp nhà ông Bắc
9. Cao Bá Quát: Đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến hết nhà ông Mông

10. Đường nội khóm Trung 9: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 (Nhà ông Dẫn) đến giáp đường Phạm Văn Đồng

11. Tổ Hữu: Đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến hết nhà ông Thái

XII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Hồ Bá Kiện: Đoạn từ nhà ông Huy đến giáp nhà bà Bưởi

2. Nguyễn Bình Khiêm: Từ nhà ông Bắc đến giáp nhà ông Nam (Duy Tân)

3. Phùng Hưng: Đoạn từ nhà ông Cần đến giáp nhà ông Hảo

4. Nguyễn Công Trứ: Đoạn từ nhà ông Bình đến giáp nhà ông Cử

5. Đoàn Bá Thừa: Đoạn từ nhà ông Cảm đến giáp nhà ông Lộc

6. Đào Duy Anh: Đoạn từ khóm nhà Duy Tân đến giáp nhà ông Định

7. Khóa Bảo: Đoạn từ nhà ông Quyết đến giáp nhà ông Trung

8. Nguyễn Thiện Thuật: Đoạn từ nhà ông Mẫn đến giáp nhà ông Cảnh

9. Đường nội khóm Cao Việt: Đoạn từ nhà ông Lợi đến hết nhà ông Bảo

XIII. ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;

- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

C. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KRÔNG KLANG

I. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu Z đến cầu K Lu

2. ĐĐT.79: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D

3. ĐĐT.80: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D

4. Đường tuyến ĐT588A: Đoạn từ QL9 đến cầu San Ruôi

II. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. ĐĐT.79: Đoạn từ tuyến số 6 đến hết tuyến
2. ĐĐT.77D: Đoạn từ ĐĐT.79 đến tuyến ĐĐT.81
3. ĐĐT.80: Đoạn từ ĐĐT.77D đến hết tuyến
4. Tuyến ĐĐT.81: Đoạn từ QL9 đến hết tuyến
5. Tuyến ĐĐT.588A: Đoạn từ cầu San Ruôi đến Cầu X

III. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu KLu đến cầu Khe Xôm
2. Đường tuyến ĐĐT.78: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến
3. Đường tuyến ĐĐT.77B: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến
4. Đường tuyến ĐĐT.77: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến tuyến đường ĐĐT.77B
5. Đường tuyến ĐĐT.77D: Đoạn từ tuyến ĐĐT.77B đến tuyến ĐĐT.79
6. Đường tuyến ĐĐT.76: Từ Km40+970 Quốc lộ 9 đến Km0+740 đường ĐĐT.588A
7. Đường tuyến ĐĐT.76B: Đoạn từ tuyến ĐĐT.75 đến tuyến ĐĐT.76

IV. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ ngã 3 đường vào khóm A Rông thị trấn Krông Klang đến giáp ranh xã Hướng Hiệp
2. Tuyến số 7: Đoạn từ công viên đến suối San Ruôi
3. Tuyến ĐĐT.81B: Từ Trung tâm giáo dục thường xuyên đến đường ĐĐT.77D.
4. Tuyến ĐĐT.77C: Đoạn từ tuyến ĐĐT.76 đến tuyến ĐĐT.79
5. Tuyến ĐĐT.588A: Đoạn từ cầu X đến giáp ranh xã Mò Ó

V. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Toàn tuyến đường ĐĐT.75

VI. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
 - Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.
2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
 - Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

D. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CAM LỘ

I. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9 qua trung tâm thị trấn: Đoạn từ phía Tây cầu Nghĩa Hy đến Km 14+000 (Phía Tây nhà ông Dương)

I. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9 qua trung tâm thị trấn: Đoạn từ phía Tây cầu Nghĩa Hy đến Km 14+000 (Phía Tây nhà ông Dương)

2. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9: Đoạn từ phía Tây cầu Tân Trúc đến phía Đông cầu Nghĩa Hy

3. Đoạn đường dọc Quốc lộ 9: Đoạn từ km 14+000 (Phía tây nhà ông Dương) đến phía Đông hàng rào nghĩa trang liệt sĩ huyện

4. Đoạn đường Quốc lộ 9 (Mới): Đoạn từ phía Nam cầu Đuôi đến ngã ba đường Quốc lộ 9 (Nhà bà Trâm, khu phố 4- thị trấn)

II. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Các đoạn đường bao quanh chợ trung tâm thị trấn Cam Lộ

2. Đoạn đường nhánh Hồ Chí Minh: Đoạn từ ngã ba chợ Phiên (Nhà ông Nguyễn) lên khu Chính phủ Cách mạng lâm thời qua thôn An Hưng- Tân Định ra giáp đường Quốc lộ 9 (Ngã tư Cùa, nhà ông Vọt)

3. Đoạn đường nội thị: Đoạn từ Km 12+200 đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh (Đường quy hoạch vùng sụt lún)

4. Đoạn đường Quốc lộ 9 (Đường nội thị): Đoạn từ Km 12+600 (Đồn Công An thị trấn) vào Trung tâm Y tế Dự phòng huyện đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh

5. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+300 (Cơ quan Huyện ủy) vào khu Chính phủ Cách mạng lâm thời đến giáp đường nội thị thôn Tây Hòa- An Hưng (Hết đoạn đường bê tông nhựa)

6. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+600 (Công an huyện) đến giáp phía Nam mô cầu Cam Tuyền

7. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+800 (Nhà bà Ngân) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh

8. Đoạn đường nội thị: Đoạn từ ngã tư Trung tâm Y tế (Nhà bà Nhân)- Sân vận động- Nhà thi đấu thể thao đến giáp đường nội thị số 2 (Nhà ông Tiến khu phố 1, thị trấn)

9. Đoạn đường nội thị: Đoạn từ Nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng (khu phố 2)- phòng Công Thương- đến chợ Ngô Đồng (Nhà ông Lưu, khu phố 1, thị trấn)

III. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+500 đi qua Trạm xá thị trấn đến đường nhánh Hồ Chí Minh (Nhà ông Côi)
2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+200 (Nhà ông Quốc- Mỹ) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh
3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+600 (Bưu điện Cam Lộ) chạy theo hướng Tây Nam ra đến Quốc lộ 9 Km 13+800 (Cây xăng- Công ty Xăng dầu Quảng Trị)
4. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+900 (Tĩnh xá Ngọc Lộ) đến đường nhánh Hồ Chí Minh ra giáp tuyến đường liên thôn Phước Tuyền- An Hưng
5. Tuyến đường nội thị: Vùng sụt lún có mặt cắt nền đường 20.5m

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 13+000 (Trường PTTH Cam Lộ) đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh
2. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 12+600 (Phòng Tài chính- Kế hoạch) đến giáp phía Bắc cầu số 1 (Nam Hùng, thị trấn)
3. Các tuyến đường bê tông vùng sụt lún có mặt cắt nền đường từ 10- 13m
4. Đoạn đường Tỉnh lộ 15 (Cũ): Đoạn từ hàng rào phía Tây (Hội Người mù huyện) đi qua chợ Phiên ra giáp ngã ba đường nhánh Hồ Chí Minh (Nhà ông Nguyễn- khu phố Đông Định)

V. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đoạn đường nội thị: Đoạn từ nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng (Khu phố 2)- qua nhà ông Ngoạn đến giáp đường nhánh Hồ Chí Minh
2. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng: Đoạn đường từ Quốc lộ 9 (Nhà ông Hùng- khu phố 1) qua nhà hàng đường 9 đến nhà ông Quang
3. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng: Đoạn đường từ Quốc lộ 9 (Nhà ông Dũng- khu phố 1) đến nhà bà Thúy
4. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng: Đoạn đường từ Quốc lộ 9 (Hạt Kiểm lâm) đến nhà ông Lộc
5. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng: Đoạn đường từ nhà ông Tiến đi qua sau hội trường khu phố 1 đến giáp đường nội thị
6. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng: Đoạn đường từ nhà ông Phạm Công A đến nhà ông Lộc

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đoạn đường nội thị- liên xã đi qua thôn Tây Hòa- An Hưng- Tân Định: Đoạn từ nhà ông Hiền (Tây Hòa- thị trấn) đến nhà bà Hạnh (Tân Định- Cam Thành)
2. Đoạn đường nội thị: Đoạn từ phía Nam cầu số 1 Nam Hùng đến giáp đường WB2 thôn Nam Hùng

3. Đoạn đường Quốc lộ 9: Đoạn từ Km 14+450 (Trạm xá Cam Thành cũ) đi qua đường nhánh Hồ Chí Minh đến giáp tuyến đường liên thôn Tân Định- Phước Tuyền.

VII. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường chưa đủ tiêu chuẩn, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí 4- đường loại 4c.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 16m đến dưới 20.5m : Xếp loại đường 3E;
- Mặt cắt từ 13m đến dưới 16m: Xếp loại đường 4A;
- Mặt cắt từ 8m đến dưới 13m: Xếp loại đường 4B;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4C;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4C;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

E. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN GIO LINH

I. ĐƯỜNG LOẠI 2D

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào trường tiểu học Thị trấn Gio Linh đến đường vào Sân vận động.

2. Đường Tỉnh lộ 75 Đông: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

II. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào trường tiểu học Thị trấn Gio Linh đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Phong.

2. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ đường vào Sân vận động đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Châu.

3. Đường phía Nam chợ Cầu cả đường và đường phía Bắc chợ Cầu cả đường

III. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến đường vào trường Mầm non Họa Mi.

2. Đường phía Đông chợ Cầu: Đoạn từ đường 75 đông đến đường vào trường Mầm non Họa Mi.

3. Tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường Gio Châu- Dốc Miếu đến cầu Bến Sanh

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ cầu Bến Sanh đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio Mỹ.

2. Đường tỉnh lộ 75 Tây: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến ranh giới giữa thị trấn Gio Linh và xã Gio An.

V. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Gio Châu- Dốc Miếu: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường từ Quốc lộ 1A về trường Hòa Mỹ kéo dài.

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Đường Gio Châu- Dốc Miếu: Đoạn còn lại

2. Đoạn đường: Từ Quốc lộ 1A về trường Tiểu học thị trấn Gio Linh

3. Đoạn đường ranh giới giữa khu phố 3 và khu phố 4

4. Đoạn đường: Từ đường về đình Hà Thượng đến đường phía Đông chợ Cầu kéo dài

5. Đường phía Đông chợ Cầu kéo dài: Đoạn còn lại

6. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A vào sân vận động đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

7. Đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến đình Hà Thượng

VII. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến trường Bán công

2. Đoạn đường: Từ Quốc lộ 1A về Lan Đình đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

3. Đoạn đường: Từ tường phía Nam Tòa án đến cắt đường 75 Tây (Đi về phía Bắc) đến hết nhà ông Thi khu phố 2

4. Đoạn đường: Từ ngã ba trường Tiểu học thị trấn đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

5. Đoạn đường: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A về đình Hà Thượng đến đường Gio Châu - Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại)

6. Đoạn đường: Đoạn từ đường Quốc lộ 1A về đường ranh giới giữa khu phố 3, khu phố 4 đến đường Gio Châu- Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại)

7. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A về trường Mầm non Hòa Mi đến đường Gio Châu- Dốc Miếu + 100m (Đoạn còn lại)

8. Các đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến các giếng nước Công ty Cấp thoát nước

9. Đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến đường vào Sân vận động

10. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết thị trấn Gio Linh theo hướng vào đường sắt Hà Trung

11. Đoạn từ đường Quốc lộ 1A (Nhà ông Châu) đến đường Gio Châu- Dốc Miếu

12. Đường Quốc lộ 1A vào sân vận động đoạn còn lại (Qua đường Gio Châu- Dốc Miếu)

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu về Lang Đình

2. 02 đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu đến đình Hà Thượng.

3. Đoạn đường: Từ đường Gio Châu- Dốc Miếu cắt đường 75 Đông vào đình Hà Thượng.

IX. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

G. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CỦA VIỆT

1. Các tuyến đường: Chưa có tên, chưa được xếp loại, mặt cắt đường đã được nhựa bê tông, đường đất thì phân loại như sau:

TT	Mặt cắt	Đường nhựa	Bê tông	Đường đất
1	Có mặt cắt bằng và lớn hơn 26m	3C	4A	4B
2	Có mặt cắt bằng 20m đến dưới 26m	3D	4A	4B
3	Có mặt cắt lớn hơn 13m đến dưới 20m	3E	4B	4C
4	Có mặt cắt lớn hơn 9m đến bằng 13m	4A	4C	4D
5	Có mặt cắt lớn hơn 6m đến bằng 9m	4B	4C	4E
6	Có mặt cắt lớn hơn 3m đến bằng 6m	4D	4E	4F
7	Có mặt cắt dưới đến bằng 3m	4E	4F	Vị trí 2- 4F

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường được xếp loại

H. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN ÁI TỬ

I. ĐƯỜNG LOẠI 1D

1. Đường Quốc lộ 1A: Đoạn từ ranh giới phía Bắc giáp xã Triệu Ái đến ranh giới phía Nam giáp xã Triệu Thượng.

II. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Đường T19 (Song song với Quốc lộ 1A): Cả đường

III. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Đoạn đường: Đoạn từ cơ quan Ủy ban Mặt trận đến giao nhau với đường sắt.
2. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hết Nông trường Lợn giống
3. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Trung tâm Y tế đến giao đường sắt
4. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi qua Viện Kiểm sát đến giao đường sắt
5. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng Chùa Sắc Tứ
6. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến hàng rào Nhà khách Ủy ban
7. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi Trù Lầu đến giao đường sắt
8. Đoạn đường: Từ điểm nút giao nhau với đường đi Trù Lầu đến điểm nút giao nhau với đường đi Nông trường Lợn giống huyện

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đoạn đường ngang qua làng SODI song song với đường ngang qua trường THPT Chu Văn An: Đoạn từ giao nhau với đường ngang qua Trung tâm Y tế đến giao nhau với đường ngang qua Trung tâm Chính trị huyện

2. Các đoạn đường (Trừ các đường loại 3b) nằm về phía Đông đường ngang qua trường THPT Chu Văn An

3. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A tại cây xăng ngang qua chợ tạm thị trấn đến Quốc lộ 1A giáp ngân hàng chính sách (Phòng Tư pháp cũ)

4. Đoạn đường: Đoạn từ Quốc lộ 1A tại Hạt Kiểm lâm đến giao nhau với đường chợ tạm thị trấn Ái Tử

V. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4a;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4b;

- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4b;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4c;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4c;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

K. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HẢI LĂNG

I. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Quốc lộ 1A: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng
2. Tỉnh lộ 8A: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng
3. Tỉnh lộ 8B: Cả đoạn trên địa bàn thị trấn Hải Lăng

II. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Ngô Quyền: Đoạn từ đường 8A đến ranh giới thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
2. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường 8A đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
3. Đường 19/3: Đoạn từ đường 8A đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
4. Trần Phú: Đoạn từ đường 8A đến đường 8B
5. Thanh Niên: Đoạn từ đường 8A đến đường 19/3

III. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Đường Trần Phú: Từ đường 8B đến ranh giới thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ

IV. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Nguyễn Huệ: Cả đường
2. Mai Văn Toàn: Cả đường
3. Phan Thanh Chung: Cả đường
4. Đường ven hồ đập Thanh: Đoạn từ sau nhà ông Lâm khóm III, thị trấn Hải Lăng đến tiếp giáp đường ngang nối với đường 19/3.
5. Đường 19/3 phía Bắc Tỉnh lộ 8A: Đoạn từ nhà ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
6. Đường song song với đường Tỉnh lộ 8A (Phía Bắc): Đoạn từ phía sau nhà ông Hoàng khóm III, thị trấn Hải Lăng đến đường ven hồ đập Thanh khóm III, thị trấn Hải Lăng (Phía sau Tòa án).

7. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ Tỉnh lộ 8A đến cầu Mai Đàn.

V. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường Bệnh viện đi Hải Xuân: Từ Tỉnh lộ 8A đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

2. Đoạn Đường: Từ nhà ông Hiền khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Cường khóm I, thị trấn Hải Lăng.

3. Đoạn Đường: Từ phòng Thống kê Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

4. Lý Thường Kiệt: Từ cầu Mai Đàn đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

5. Nguyễn Ngọc Thuyết: Cả đường

6. Lê Thị Tuyết: Cả đường

7. Tôn Thất Thuyết: Cả đường

8. Trần Thị Tâm: Cả đường

9. Các đoạn đường còn lại (Từ đường 19/3 đến đường ven hồ đập Thanh) trong khu đất ở cán bộ và nhân dân thuộc khóm III, thị trấn Hải Lăng.

VI. ĐƯỜNG LOẠI 4A

1. Nguyễn Trãi: Cả đường

2. Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 8m trở lên

VII. ĐƯỜNG LOẠI 4B

1. Đoạn Đường: Từ nhà ông Thơ khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà bà Hoàn khóm I, thị trấn Hải Lăng.

2. Các đoạn đường: Từ Tỉnh lộ 8A đến dãy 2 ở khóm I, thị trấn Hải Lăng

3. Đoạn đường: Từ nhà ông Tân khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Thanh khóm I, thị trấn Hải Lăng.

4. Đoạn Đường: Từ nhà ông Lý khóm II, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.

5. Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 6m đến dưới 8m

6. Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 8m trở lên

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 4C

1. Các đoạn đường dãy 2 song song Tỉnh lộ 8A đoạn ở khóm I, thị trấn Hải Lăng

2. Đoạn đường dãy 2: Từ nhà bà Gái khóm II, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Lâm khóm II, thị trấn Hải Lăng

3. Đoạn đường dãy 2: Từ sau nhà ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Sáu khóm III, thị trấn Hải Lăng

4. Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 3m đến dưới 6m

5. Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 6m trở lên đến dưới 8m

6. Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 3m trở lên đến dưới 6m xếp vị trí 2 đường loại 4C

7. Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

- Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

L. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HỒ XÁ

I. ĐƯỜNG LOẠI 1D

1. Hùng Vương: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng bệnh viện Vĩnh Linh

2. Chu Văn An: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng trường THPT

3. Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã tư rẽ vào Lâm trường đến ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt trận huyện.

II. ĐƯỜNG LOẠI 2A

1. Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt trận huyện đến hết ranh giới thị trấn Hồ Xá

2. Đoạn từ nhà ông Tĩnh (VLXD) đến hết nhà bà Hoa

3. Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã tư rẽ vào Lâm trường đến hết ranh giới thị trấn Hồ Xá (Mốc địa giới hành chính 3 xã: TT, Vĩnh Tú, Vĩnh Long)

III. ĐƯỜNG LOẠI 2B

1. Hai Bà Trưng: Đoạn từ cổng Công an huyện đến giáp đường Trần Phú

2. Trần Phú: Cả đường

3. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Hùng Vương (Nhà Văn hóa thiếu nhi) đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng

4. Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp đường Lý Thường Kiệt

5. Quang Trung: Đoạn từ cây xăng thương mại đến giáp ranh giới xã Vĩnh Nam

IV. ĐƯỜNG LOẠI 2C

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến giáp đường Lý Thánh Tông (Đường vào khóm Vĩnh Bắc)

2. Đinh Tiên Hoàng: Từ Quốc lộ 1A (Nhà máy giấy) đến ngã ba nhà bà Ân

3. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ ngã 3 nhà bà Ân đến ngã 3 giáp đường Trần Phú và Hai Bà Trưng (Sân vận động huyện).

V. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ cổng bệnh viện Vĩnh Linh đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ (Ngã tư nhà ông Kiếm)

VI. ĐƯỜNG LOẠI 3B

1. Nguyễn Văn Cừ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Quán Vương Cát Trà) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh tại ngã tư nhà ông Kiếm

2. Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Quán sửa xe ông Hòa) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh (Ngã tư nhà ông Hùng)

3. Ngô Quyền: Đoạn giáp đường Nguyễn Văn Cừ (Ngã ba nhà ông Thử) đến đường Quang Trung (Ngã ba Đội quản lý đường bộ)

VII. ĐƯỜNG LOẠI 3C

1. Lê Hữu Trác: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh (Ngã ba nhà ông Cả) đến giáp điểm cuối đường Lê Hồng Phong (Trạm Thú y cũ)

2. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ ngã ba nhà bà Én đến Cầu Đúc (Về Vĩnh Tú)

3. Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ ngã tư nhà ông Kiếm đến giáp đường Lê Hồng Phong (Ngã tư nhà thầy Hùng)

4. Lê Hồng Phong: Đoạn từ ngã tư nhà thầy Hùng đến giáp đường Lê Hữu Trác (Ngã ba thú y cũ)

5. Nguyễn Lương Bằng: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Khám cơ khí) đến giáp đường Cao Bà Quát (Ngã ba Nông trường Bộ)

6. Cao Bá Quát: Từ Quốc lộ 1A đến ngã ba Nông trường Bộ

VIII. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Nguyễn Thị Minh Khai: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Hồng vật liệu) vòng qua Cục Dự trữ ra giáp đường Quang Trung ở ngã tư Huyện đội

2. Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Mão (Thợ mộc) đến ngã ba đường vào xây dựng cũ

3. Hoàng Văn Thụ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (Nhà ông Ánh) về giáp địa giới xã Vĩnh Hòa

4. Huyền Trân Công Chúa: Đoạn giáp đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Hồng Phong

IX. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Lý Thánh Tông: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi khóm Vĩnh Bắc đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng

2. Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến gặp đường Nguyễn Trãi

3. Tôn Đức Thắng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến gặp đường Nguyễn Trãi

4. Lê Thế Hiếu: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Ngôn

5. Võ Thị Sáu: Cả đường

6. Huyền Trân Công Chúa: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến giáp trạm Bảo vệ thực vật

7. Đoạn đường: Giáp đường Lê Hồng Phong đến giáp đường Tôn Đức Thắng

X. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 3E;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4B;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4C;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4B;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4C;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4C;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

M. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN BẾN QUAN

I. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ nhà hàng Huyền Ý đến cầu Bến Quan

II. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đoạn đường: Từ cầu Hạnh phúc đến hết chợ Bến Quan và các đường đổ nhựa có mặt cắt 8m trở lên

III. CÁC TUYẾN ĐƯỜNG 4A

1. Đường ĐT571: Đoạn từ chợ Bến Quan đến cầu Khe Cáy và các đường đổ nhựa hoặc không đổ nhựa có mặt cắt từ 6m đến dưới 8m

2. Đường ĐT571: Đoạn từ cầu Hạnh phúc đến hết Trường Tiểu học Quyết Thắng

3. Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (Nhà ông Thông Vẽ khóm 11) đến giáp ĐT571 (Hết nhà Vi Sơn)

4. Đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến nhà ông Quang + Châu (Khóm 11)

IV. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 3E;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4B;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4C;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4B;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4C;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp vị trí 2 đường 4C;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

N. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CỬA TÙNG

I. ĐƯỜNG LOẠI 3A

1. Đường 574 (Đường 70): Đoạn từ ranh giới xã Vĩnh Tân đến ngã 3 Cửa Tùng (Nhà ông Lê Ngọc Vinh)
2. Đoạn từ ngã 3 Cửa Tùng đến đường 574 (Nhà nghỉ Nguyễn Hoàng)
3. Đường 572 (Đường Cạp Lài): Đoạn từ nhà nghỉ Nguyễn Hoàng đến cầu Đúc
4. Đường du lịch bãi tắm Cửa Tùng: Đoạn từ nhà nghỉ cục Thuế đến giáp đường 574
5. Đoạn đường từ ngã 3 Cửa Tùng đến cầu Cửa Tùng

II. ĐƯỜNG LOẠI 3D

1. Đường vào cảng cá: Đoạn từ giáp cầu Cửa Tùng (Nhà ông Lê Văn Sinh) đến cảng cá
2. Đường du lịch mới: Đoạn từ đối diện Đồn Biên phòng 204 đến giáp đường 574 (Trạm đèn biển)

III. ĐƯỜNG LOẠI 3E

1. Đường du lịch: Đoạn từ ngã 3 cầu Đúc đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thạch
2. Đường 572 (Đường Cạp Lài): Đoạn từ cầu Đúc đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thạch
3. Đường từ thôn An Đức 3 đến thôn Quang Hải: Đoạn giáp đường 574 (Đường 70) đến đường 572 (Đường Cạp Lài)

IV. CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CÒN LẠI CÓ MẶT CẮT

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 3E;
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4B;
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4C;
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

-
- Mặt cắt từ 8m trở lên: Xếp loại đường 4B;
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: Xếp loại đường 4C;
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: Xếp loại đường 4C;
 - Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường và điểm cuối đường.

Phụ lục số 5:**QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI XÃ THEO VÙNG, KHU VỰC;
PHÂN HẠNG ĐẤT, LOẠI ĐẤT****I. PHÂN LOẠI XÃ THEO VÙNG****1. Huyện Hướng Hóa:****Xã miền núi:**

Gồm các xã: Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Thuận, Thanh, Hướng Lộc, A Xing, A Túc, A Dơi, Xi, Pa Tầng, Húc, Hướng Tân, Hướng Linh, Hướng Sơn, Hướng Phùng, Hướng Lập, Hướng Việt.

2. Huyện ĐaKông:**Xã miền núi:**

Gồm các xã: Hướng Hiệp, Đakông, Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Hải Phúc, Tà Long, Húc Nghì, Pa Nang, Tà Rụt, A Ngo, A Bung, A Vao.

3. Huyện Cam Lộ**a) Xã miền núi:**

Gồm các xã: Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Tuyền

b) Các xã Trung du gồm:

- Xã Cam An: Thôn Mỹ Hòa, Thôn Xuân Khê
- Xã Cam Thủy: Thôn Tân Xuân, Thôn Thiện Chánh
- Thị trấn Cam Lộ: Thôn Nam Hùng, thôn Nghĩa Hy, khu phố Thiết Tràng

c) Các xã đồng bằng, gồm:

- Các xã: Xã Cam Hiếu, xã Cam Thanh
- Xã Cam An: Các thôn còn lại
- Xã Cam Thủy: Các thôn còn lại

4. Huyện Gio Linh**a) Xã miền núi:**

Gồm các xã: Linh Thượng, Vĩnh Trường, Hải Thái

b) Các xã Trung du, gồm:

Xã Gio Sơn, xã Gio Hòa, xã Linh Hải, xã Gio An, xã Gio Bình, xã Gio Châu, xã Trung Sơn, xã Gio Phong

c) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Gio Việt, xã Gio Hải, xã Trung Giang, xã Trung Hải, xã Gio Mỹ, xã Gio Thành, xã Gio Mai, xã Gio Quang

5. Huyện Vĩnh Linh**a) Xã miền núi:**

Các xã: Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê

b) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Nam, xã Vĩnh Long, xã Vĩnh Tú, xã Vĩnh Cháp, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hiền, xã Vĩnh Kim, xã Vĩnh Thạch, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thái.

6. Huyện Triệu Phong

a) Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu Thuận, xã Triệu Đại, xã Triệu Hòa, xã Triệu Trung, xã Triệu Tài, xã Triệu Sơn, xã Triệu Trạch, xã Triệu Thành, xã Triệu Đông, xã Triệu Long, xã Triệu An, xã Triệu Lăng, xã Triệu Vân

- Xã Triệu Giang: Khu vực phía Đông đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Ái: Khu vực phía Đông đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Thượng: Khu vực phía Đông đường sắt Bắc Nam.

b) Các xã trung du, gồm:

- Xã Triệu Giang: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Ái: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam;
- Xã Triệu Thượng: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam.

7. Huyện Hải Lăng

a) Các xã trung du gồm:

- Bao gồm khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam của các xã: Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Thọ;

b) Các xã đồng bằng, gồm:

Hải An, Hải Khê, Hải Thành, Hải Tân, Hải Hòa, Hải Thiện, Hải Quy, Hải Xuân, Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Dương, Hải Ba; các vùng còn lại của các xã: Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Thọ, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Phú.

8. Huyện đảo Cồn Cỏ (Thuộc vùng hải đảo): Áp dụng giá đất nông thôn vùng miền núi.

II. HẠNG ĐẤT

- Đất trồng cây hàng năm có từ hạng 2 đến hạng 6; đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản có 6 hạng;

- Đất trồng cây lâu năm và đất rừng sản xuất có 5 hạng.

III. ĐẤT LÀM MUỐI CÓ 4 VỊ TRÍ

- Vị trí 1: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung không quá 30m;

- Vị trí 2: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 30m đến 50m;

- Vị trí 3: Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 50m đến 80m;

- Vị trí 4: Các khu vực đất còn lại.

IV. ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

- Khu vực 1: Vừa tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ vừa nằm tại trung tâm xã, cụm xã (Gần UBND xã, trường học, chợ, trạm y tế) hoặc liền kề với khu thương mại du lịch, khu công nghiệp.

- Khu vực 2: Tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ, đường giao thông liên thôn; hoặc nằm tại trung tâm xã, cụm xã; hoặc tiếp sau phần đất khu vực 1.

* Phạm vi đất khu vực 1 và khu vực 2 có chiều sâu tối đa 4 vị trí đất, mỗi vị trí là một chủ sử dụng đất nhưng tổng chiều sâu không quá 200m.

- Khu vực 3: Các vị trí còn lại trên địa bàn xã.

V. KHU VỰC ĐẤT TẠI KHU DU LỊCH, KHU THƯƠNG MẠI, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ

- Khu vực 1: Thuộc địa bàn thành phố Đông Hà

- Khu vực 2: Gồm các huyện, thị xã: Quảng Trị, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng (Trừ các xã miền núi); Khu Thương mại đặc biệt Lao Bảo.

- Khu vực 3: Gồm huyện Hướng Hóa (Trừ Khu Thương mại đặc biệt Lao Bảo), huyện Đakrông, huyện đảo Côn Cỏ và các xã miền núi của các huyện khác trong tỉnh./.

CHỦ TỊCH

Lê Hữu Phúc